



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN**  
**– CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VNPOST EXPRESS., JSC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro.....	10
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>10</b>
1. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	18
4. Tình hình tài chính.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	19
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>20</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tình hình tài chính.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:.....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	21
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:.....	21
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>21</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.....	21
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	22
<b>V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>22</b>
1. Hội đồng quản trị.....	22
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT).....	22
2. Ban kiểm soát.....	25
2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS).....	25
2.2. Hoạt động của BKS.....	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	25
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>26</b>
Ý kiến của kiểm toán:.....	26
Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	29



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Tổng công ty: **TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Tên viết tắt: **VNPOST EXPRESS., JSC**
- Trụ sở chính: Số 01 Tân Xuân, P.Xuân Đình, Q.Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-04) 3757 5577 Fax: (84-04) 3757 6144
- Website: [www.ems.com.vn](http://www.ems.com.vn)

### • Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103009824 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 0101826868 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 09/11/2017.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 0101826868: 91.591.280.000 đồng (*Chín mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Vốn thực góp: 91.591.252.374 đồng (*Chín mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*)

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty cổ phần Chuyên phát nhanh Bưu điện (VNPost Express) được thành lập theo quyết định phê duyệt Đề án số 29/QĐ-ĐABC-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tổng Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là VNPT).

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103009824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 11 năm 2005, vốn điều lệ đăng ký của Tổng công ty là 70 tỷ đồng.

Vốn điều lệ của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0101826868 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 22/6/2015 là 91.591.280.000 đồng, vốn thực góp là 91.591.252.374 đồng.

Công ty đổi tên thành Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 09/11/2017.





### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Hoạt động chính theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh**

- Kinh doanh các dịch vụ chuyên phát nhanh trong nước và quốc tế: Dịch vụ chuyên phát nhanh EMS, dịch vụ chuyên phát trong ngày, dịch vụ chuyên phát nhanh hàng nặng, hàng công kênh và các sản phẩm khác;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, kho vận;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông;
- Quản lý, vận hành, lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa và khai thác các thiết bị, phương tiện bưu chính, viễn thông;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;

**Sản phẩm dịch vụ chính:** Kinh doanh các dịch vụ chuyên phát nhanh trong nước và quốc tế; kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, kho vận; cho thuê văn phòng; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông.

- **Địa bàn kinh doanh**

- **Trụ sở, Chi nhánh**

- **Trụ sở chính:** Số 1 Tân Xuân, P.Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- **Chi nhánh tại Hà Nội:** Km số 1, đường Võ Văn Kiệt, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- **Chi nhánh tại Đà Nẵng:** Số 868 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- **Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:** Số 36 Bis Ba Vì, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

- **Mạng lưới**

- **Giao dịch:** Mạng lưới giao dịch của Tổng công ty rộng khắp trên 63 tỉnh thành, với hơn 6.000 bưu cục đã giúp cho việc nhận bưu gửi của khách hàng được nhanh chóng, tiện lợi hơn.
- **Khai thác:** Trung tâm khai thác vùng đặt tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP.Đà Nẵng.
- **Vận chuyển :** Đội ngũ vận chuyển gồm hàng trăm ô tô chuyên dụng và hàng nghìn ô tô của các đại lý tham gia vận chuyển bưu gửi, cùng với tần suất các chuyến bay lớn từ Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh đi đến các Thành phố lớn trong cả nước và đến các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Ngoài ra Tổng công ty cũng đã đầu tư hàng trăm chiếc xe máy chuyên dụng, được trang bị định vị đến lấy hàng tại địa chỉ, giúp cho khách hàng có thể sử dụng dịch vụ EMS một cách tiện lợi nhất.

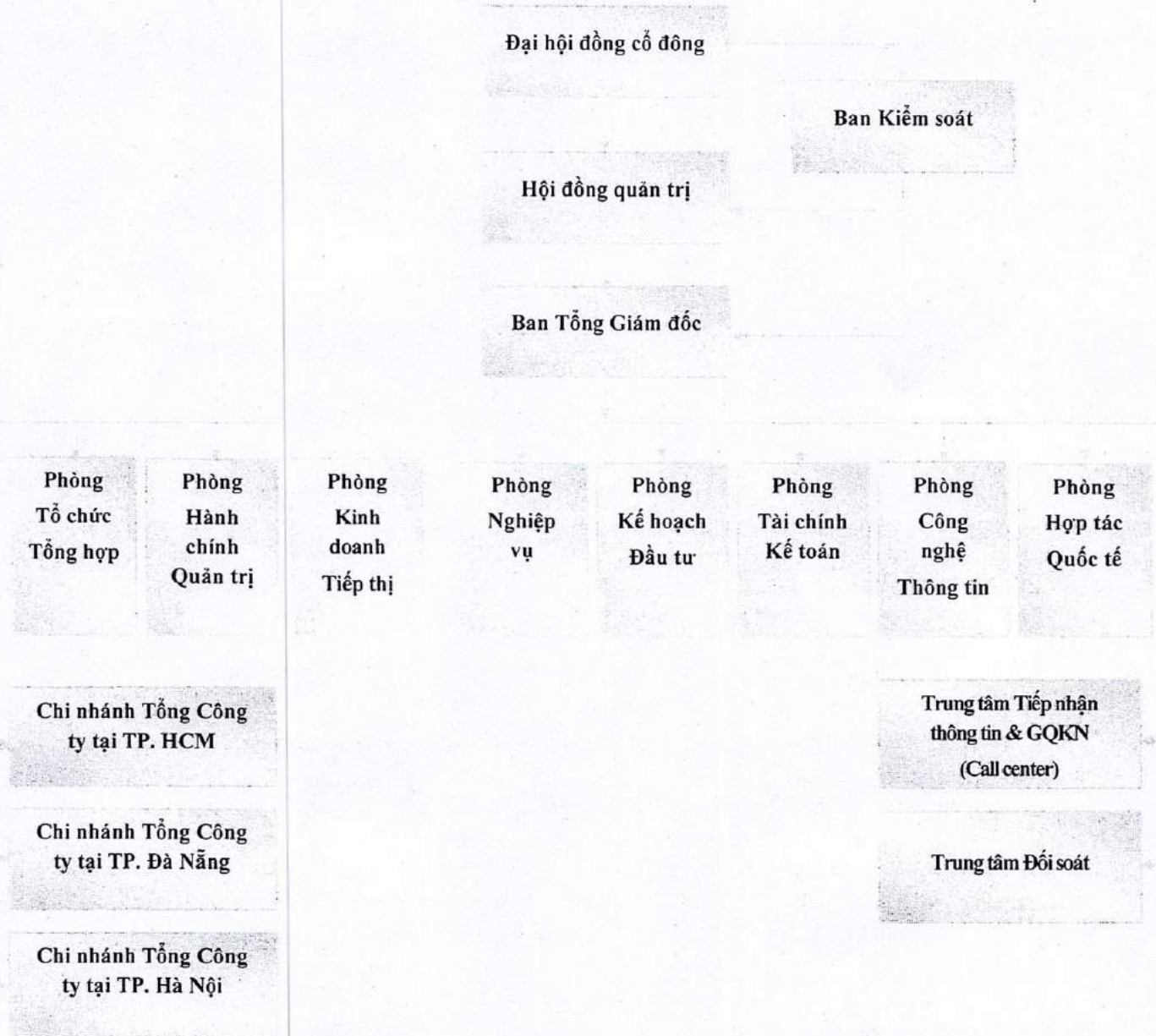


4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Tổng công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc.

4.2 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty





**Chức năng và nhiệm vụ:****➤ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng công ty quy định:

- ✓ Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- ✓ Thông qua kế hoạch phát triển của Tổng công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và các Kiểm toán viên;
- ✓ Quyết định số lượng thành viên HĐQT, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty;
- ✓ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- ✓ Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- ✓ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

**➤ Ban kiểm soát**

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, kiểm soát, giám sát (đặc biệt về tài chính), đảm bảo hoạt động Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- ✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;
- ✓ Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông;
- ✓ Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin, tài liệu và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Được thư ký Tổng công ty cung cấp toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản



sao các Biên bản họp Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;

- ✓ Các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ.

#### ➤ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị gồm 05 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Vai trò của HĐQT là xác định các chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- ✓ Quyết định chiến lược phát triển của Tổng công ty;
- ✓ Quyết định kế hoạch và phát triển kinh doanh hàng năm;
- ✓ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;
- ✓ Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Tổng công ty;
- ✓ Quyết định phương án đầu tư của Tổng công ty;
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- ✓ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- ✓ Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tổng công ty trình ĐHĐCĐ;
- ✓ Các chức năng khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ.

#### ➤ **Ban Tổng giám đốc**

##### *Tổng giám đốc*

Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- ✓ Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng công ty và tuân thủ pháp luật;
- ✓ Báo cáo trước HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- ✓ Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Tổng công ty;



- ✓ Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- ✓ Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của HĐQT, quy chế của Tổng công ty.

### **Phó Tổng Giám đốc**

Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Hiện tại Tổng công ty có 04 Phó Tổng Giám đốc.

#### **➤ Các phòng chức năng**

**Phòng Kế hoạch đầu tư:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành và thừa lệnh Tổng giám đốc triển khai thực hiện công tác chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý vật tư tiền vốn; tổ chức quản lý điều hành và hướng dẫn thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty.

**Phòng Tài chính kế toán:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành, thừa lệnh Tổng giám đốc triển khai thực hiện công tác: tổ chức, thực hiện toàn bộ công tác tài chính, kế toán, thống kê theo quy định của luật Kế toán, luật Thống kê, chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng công ty.

**Phòng Tổ chức tổng hợp:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thừa lệnh Tổng giám đốc điều hành trong các lĩnh vực hoạt động: tổ chức, cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, đào tạo, lao động, tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động của Tổng công ty. Tham mưu, đầu mối giúp việc Ban Tổng giám đốc đối với các lĩnh vực tổng hợp, pháp chế, truyền thông và văn thư lưu trữ của Tổng công ty.

**Phòng Kinh doanh tiếp thị:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thừa lệnh Tổng giám đốc triển khai thực hiện công tác tổ chức, xây dựng hệ thống kinh doanh dịch vụ của Tổng công ty; thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, công tác quảng cáo tiếp thị, truyền thông, chăm sóc khách hàng và xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng công ty.

**Phòng Nghiệp vụ:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành, thừa lệnh Tổng giám đốc triển khai thực hiện công tác: Quản lý, điều hành hoạt động của toàn bộ mạng lưới dịch vụ chuyển phát nhanh; Quản lý các dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế và các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thể lệ, nghiệp vụ, quản lý chất lượng và mạng lưới trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



**Phòng Công nghệ thông tin:** Là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc quản lý, điều hành và thừa lệnh Tổng giám đốc điều hành các lĩnh vực: Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong bưu chính; Xây dựng, phát triển, vận hành và quản lý mạng tin học; Tổ chức thu thập, tổng hợp, quản lý và xử lý dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

**Phòng Hợp tác quốc tế:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành, thừa lệnh Tổng giám đốc triển khai thực hiện công tác hợp tác quốc tế, công tác đối ngoại, phát triển kinh doanh quốc tế, quản lý các Hợp đồng hợp tác trực tiếp làm việc với các đối tác của Tổng công ty.

**Phòng Hành chính quản trị:** Là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thừa lệnh Tổng giám đốc điều hành trong các lĩnh vực: công tác hành chính, công tác quản trị của khối cơ quan, bao gồm các công tác lễ tân, phục vụ, hậu cần; quản lý, khai thác và bảo trì tài sản, trang bị; công tác quân sự, bảo vệ, phòng chống cháy nổ trên địa bàn; chế độ bảo hộ lao động; công tác an toàn, vệ sinh môi trường làm việc .v.v...

**Trung tâm Tiếp nhận thông tin và giải quyết khiếu nại (Callcenter):** Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty có chức năng tiếp nhận thông tin và xử lý các thông tin qua hệ thống Tổng đài tại Tổng công ty cũng như các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty.

**Trung tâm Đối soát:** Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty có chức năng quản lý, điều hành lĩnh vực khai thác, đối soát dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế; đối soát hoạt động vận chuyển trên toàn mạng lưới của Tổng công ty

#### **Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội**

Trụ sở chi nhánh: Km số 1, đường Võ Văn Kiệt, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 0101826868-005 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 25/07/2017; đăng ký sửa đổi lần thứ nhất ngày 24/11/2017.

Chi nhánh Hà Nội hoạt động dưới hình thức là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- ✓ Tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trên địa bàn được phân giao quản lý.
- ✓ Thực hiện chấp nhận các sản phẩm chuyển phát nhanh quốc tế Tổng công ty làm đại lý cho các hãng nước ngoài và các dịch vụ khác theo quy định của Tổng công ty.
- ✓ Khai thác các sản phẩm chuyển phát nhanh chiều đi/đến các tỉnh, thành phố trên địa bàn quản lý và quốc tế.



- ✓ Đóng chuyển túi gói các sản phẩm chuyển phát nhanh đến các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý cho Chi nhánh Tổng công ty tại TP. Hồ Chí Minh và Chi nhánh Tổng Công ty tại Đà Nẵng bằng đường bay.
- ✓ Quản lý vận chuyển liên tỉnh các sản phẩm chuyển phát chiều đi/đến trên địa bàn quản lý và quốc tế.
- ✓ Phát các sản phẩm chuyển phát nhanh trên địa bàn TP. Hà Nội và quản lý theo dõi việc phát các sản phẩm chuyển phát đến các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn quản lý.
- ✓ Hợp tác với các Bưu điện tỉnh/thành phố thuộc địa bàn được quản lý với tư cách là đơn vị chủ dịch vụ, triển khai cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế, chăm sóc, tiếp thị khách hàng lớn của Tổng công ty.
- ✓ Chủ trì nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh dịch vụ trên địa bàn được quản lý.
- ✓ Chịu trách nhiệm về khiếu nại của khách hàng và thực hiện giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi địa bàn quản lý; Là đầu mối tổng hợp các thông tin về khách hàng lớn trong phạm vi địa bàn được phân giao quản lý.
- ✓ Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tổ chức sản xuất, quản lý mạng lưới, khai thác và kinh doanh theo quy định của Tổng công ty.

#### **Chi nhánh Tổng công ty tại TP Hồ Chí Minh**

Trụ sở chi nhánh: Số 36 Bis, Ba Vì, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 0101826868-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2005; đăng ký sửa đổi lần thứ ba ngày 22/11/2017.

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoạt động dưới hình thức là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần. Nhiệm vụ cụ thể như sau;

- ✓ Tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trên địa bàn các tỉnh, thành phố từ Khánh Hòa, Lâm Đồng đến toàn bộ các tỉnh phía Nam (Khu vực 2);
- ✓ Thực hiện chấp nhận các sản phẩm chuyển phát nhanh quốc tế Tổng công ty làm đại lý cho các Hãng nước ngoài và các dịch vụ khác theo quy định của Tổng công ty;
- ✓ Khai thác các sản phẩm chuyển phát nhanh chiều đi, chiều đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực 2 và quốc tế;
- ✓ Đóng chuyển túi gói các sản phẩm chuyển phát nhanh đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực I cho Trung tâm khai thác vận chuyển tại Hà Nội và các sản phẩm đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực 3 cho Chi nhánh Tổng công ty tại Đà Nẵng bằng đường bay;
- ✓ Quản lý việc vận chuyển liên tỉnh các sản phẩm chuyển phát nhanh chiều đi, chiều đến khu vực 2 và quốc tế;



- ✓ Phát các sản phẩm chuyển phát nhanh trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và quản lý, theo dõi việc phát các sản phẩm chuyển phát nhanh đến các tỉnh, thành phố thuộc khu vực 2.

#### **Chi nhánh Tổng công ty tại TP Đà Nẵng**

Trụ sở chi nhánh: Số 686 Nguyễn Hữu Thọ, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 0101826868-002 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2005; đăng ký sửa đổi lần thứ hai ngày 21/11/2017.

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng hoạt động dưới hình thức là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần. Nhiệm vụ cụ thể như sau;

- ✓ Tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực miền Trung – Tây Nguyên từ Quảng Trị đến Phú Yên và từ Gia Lai đến Đắk Lắk (Khu vực 3);
- ✓ Thực hiện chấp nhận các sản phẩm EMS, các dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế mà Tổng công ty làm đại lý cho các hãng nước ngoài và các dịch vụ khác theo quy định của Tổng công ty;
- ✓ Khai thác các sản phẩm chuyển phát nhanh chiều đi, chiều đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực 3 và quốc tế;
- ✓ Đóng chuyên túi gói các sản phẩm chuyển phát nhanh đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực 1 cho Trung tâm khai thác vận chuyển tại Hà Nội và các sản phẩm đến các tỉnh, thành phố thuộc khu vực 2 cho Chi nhánh Tổng công ty tại Tp. Hồ Chí Minh bằng đường bay;
- ✓ Quản lý việc vận chuyển liên tỉnh các sản phẩm chuyển phát nhanh các chiều đi, chiều đến khu vực 3 và quốc tế;
- ✓ Phát các sản phẩm chuyển phát nhanh trên địa bàn TP. Đà Nẵng quản lý, theo dõi việc chuyển phát các sản phẩm chuyển phát nhanh đến các tỉnh, thành phố thuộc Khu vực 3.

#### **4.3 Các Tổng công ty con, Tổng công ty liên kết: Không có**

### **5. Định hướng phát triển**

#### **• Mục tiêu, chiến lược phát triển của Tổng công ty**

Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong thời gian ngắn sẽ tham gia tiếp thị trực tiếp, tìm hiểu thị trường để tổ chức kinh doanh tốt là điều tích cực. Song định hướng phát triển lâu dài Tổng công ty sẽ tập trung làm tốt vai trò chủ dịch vụ chuyển phát nhanh; phối hợp với các đơn vị liên quan để luân chuyển, vận chuyển hàng hóa, bưu gửi trong phạm vi trong nước và quốc tế; xây dựng các gói sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng và phong phú của khách hàng. Đồng thời tham gia xây dựng cơ chế, cách thức để tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ có môi trường tốt để hoạt động như cơ chế phối hợp, cơ chế phân chia lợi ích, phối hợp trong tổ chức sản xuất và cả trong tổ chức kinh doanh.



Hướng tới mục tiêu phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với hệ thống các Bưu điện tỉnh, thành phố với tư cách là những đơn vị hợp tác, triển khai cung cấp dịch vụ chuyên phát nhanh của Tổng công ty. Với hệ thống các đơn vị cung cấp dịch vụ, sẽ chú trọng hơn về hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin. Rà soát và phối hợp với Tổng công ty BĐVN, với các Bưu điện tỉnh, thành phố triển khai hệ thống công nghệ thông tin sao cho đồng bộ. Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần thực hiện hỗ trợ các Bưu điện triển khai sâu rộng tới tận điểm cung cấp dịch vụ cuối cùng, qua đó sẽ nâng cao được chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

• **Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng của Tổng công ty**

Xây dựng hình ảnh Tổng công ty văn minh, lịch sự, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục, các chương trình thể thao, ca nhạc....

6. **Các rủi ro** : Tổng công ty có mạng lưới tổ chức sản xuất khai thác với quy trình chuẩn nên không có nhiều rủi ro. Rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là đến từ phía các đối tác: hãng vận tải, hàng không... Tuy vậy, những rủi ro này cũng rất hiếm xảy ra.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. **Hoạt động sản xuất kinh doanh**

• **Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:**

Hoạt động đóng góp doanh thu chủ yếu cho Tổng công ty là dịch vụ chuyển phát nhanh, chiếm tỷ trọng khoảng 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hàng năm. Còn lại là sự đóng góp của các dịch vụ đại lý, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng (%)	Tỷ lệ 2017/2016 (%)
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>936,302</b>	<b>1,238,251</b>	<b>32%</b>	<b>132%</b>
1.1	<i>Doanh thu dịch vụ chuyên phát nhanh</i>	908,304	1,204,930	33%	133%
1.2	<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	27,998	33,321	19%	119%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9,135	-	-100%	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>927,166</b>	<b>1,238,251</b>	<b>34%</b>	<b>134%</b>
<b>4</b>	<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>	<b>760,214</b>	<b>1,032,885</b>	<b>36%</b>	<b>136%</b>
4.1	<i>Giá vốn dịch vụ chuyên phát nhanh</i>	749,136	1,020,920	36%	136%
4.2	<i>Giá vốn dịch vụ khác</i>	11,078	11,965	8%	108%
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ</b>	<b>166,952</b>	<b>205,367</b>	<b>23%</b>	<b>123%</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,531	3,288	30%	130%
7	Chi phí tài chính	1,460	784	-46%	54%



8	Chi phí bán hàng	48,682	33,522	-31%	69%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	82,162	121,770	48%	148%
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh</b>	<b>37,179</b>	<b>52,578</b>	<b>41%</b>	<b>141%</b>
11	Lợi nhuận khác	621	-573	-192%	-92%
<b>12</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế đạt</b>	<b>37,800</b>	<b>52,006</b>	<b>38%</b>	<b>138%</b>
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>30,088</b>	<b>40,965</b>	<b>36%</b>	<b>136%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017

Với sự tăng trưởng về doanh thu cung cấp dịch vụ và sự kiểm soát hiệu quả giá vốn cung cấp dịch vụ năm 2017 đã giúp lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ của Tổng công ty năm 2017 tăng 23% so với năm 2016. Lợi nhuận về hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt 52,578 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2016.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 40,965 tỷ đồng, tăng 36% so với lợi nhuận sau thuế năm 2016.

• **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Thực hiện/ Kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	91.59	91.59	100%
2	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,163.00	1,238.25	106%
3	Lợi nhuận trước thuế	50.00	52.01	104%
4	Lợi nhuận sau thuế	39.85	40.97	103%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Trong năm 2017, Tổng công ty đã hoàn thành được kế hoạch về các chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 103% so với kế hoạch đặt ra.

2. **Tổ chức và nhân sự**

• **Danh sách Ban điều hành**

- Từ 14/07/2017 trở về trước

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quốc Anh	Tổng giám đốc
2	Bà Hà Thị Hòa	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Đặng Văn Công	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Vũ Thị Mai Hồng	Kế toán trưởng



- Từ 14/07/2017 đến nay

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quốc Anh	Tổng giám đốc
2	Bà Hà Thị Hòa	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Đặng Văn Công	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Vũ Thị Mai Hồng	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng

✓ Ông Lê Quốc Anh – Tổng giám đốc

Số CMND	001074001134 Ngày cấp: 13/5 /2014 tại CA TP Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/01/1974
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Nhà B14, khu tập thể Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác	+ 01/1996 – 10/1999: Chuyên viên Trung tâm chuyên tiên, Tổng công ty Bưu chính liên tỉnh và Quốc tế. + 11/1999 – 11/2003: Chuyên viên Văn phòng TCT BCVT Việt Nam, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc + 12/2003 – 4/2005: Phó Trưởng Ban Posnet, TCT BCVT Việt Nam + 5/2005 – 12/2007: Phó Trưởng Ban BC-PHBC, Tổng công ty BCVT Việt Nam + 01/2008– 06/2012: Trưởng Ban Dịch vụ tài chính Bưu chính Tổng công ty BĐVN + 06/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần).



Chức vụ hiện nay ở Tổng công ty	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	Đại diện cho Tổng công ty BĐVN 2.200.000 cổ phiếu, chiếm 24 % vốn điều lệ.
Các khoản nợ với Tổng công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn	Không
Những đối tượng liên quan có sở hữu cổ phần của Tổng công ty	Không

✓ **Bà Hà Thị Hòa- Phó Tổng Giám đốc**

Số CMND	012922228 cấp ngày 11/08/2010 tại CA Hà Nội
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	15/4/1973
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khâm Thiên- Đống Đa- Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	+ 2004-2007: Chuyên viên, Ban đề án nghiên cứu đổi mới tổ chức quản lý và phát triển kinh doanh Bưu chính, Tổng công ty Bưu Chính Viễn thông. + 2007-2008: Phó trưởng Ban, Ban Kế hoạch- Đầu tư, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam. + 2008-2013: Chuyên viên chính, Phó trưởng Ban, Ban Dịch vụ Bưu chính, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam. + 2013- 05/2016: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu Điện + 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là



	Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần).
Chức vụ hiện nay ở Tổng công ty	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	Đại diện cho Tổng công ty BĐVN 728.050 cổ phiếu, chiếm 7,95 % vốn điều lệ
Các khoản nợ với Tổng công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn	Không
Những đối tượng liên quan có sở hữu cổ phần của Tổng công ty	Không

✓ **Ông Đặng Văn Công- Phó Tổng giám đốc**

Số CMND	250262201 cấp ngày 01/03/2006 tại CA Lâm Đồng
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/09/1960
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	904 Lô C, Chung cư Bưu Điện, số 354/15, phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	+ 1983-1996: Chuyên viên phòng TCCB và LĐ, Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng + 1996-1997: Trưởng phòng TCCB và LĐ, Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng; + 1997-1999: Giám đốc Tổng công ty BC-PHBC, Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng; + 1999-2002: Giám đốc Tổng công ty BC-PHBC kiêm Giám đốc Trung tâm Tin học, Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng;



+ 2002-2006: Giám đốc Bưu Điện thành phố Đà Lạt, Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng;

+ 2006-2007: Phó Giám đốc Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng, Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông;

+ 2007-2013: Phó Giám đốc Bưu Điện Tỉnh Lâm Đồng, Tổng Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam

+ 2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần).

Chức vụ hiện nay ở Tổng công ty Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Số lượng cổ phần sở hữu Không

Các khoản nợ với Tổng công ty Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Quyền lợi mâu thuẫn Không

Những đối tượng liên quan có sở hữu cổ phần của Tổng công ty Không

Những đối tượng liên quan có sở hữu cổ phần của Tổng công ty Không

✓ **Ông Trần Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc**

Số CMND 012564444 cấp ngày 14/03/2012 tại CA Hà Nội

Giới tính Nam

Ngày sinh 04/09/1973

Nơi sinh Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú F 220 A4 TT Nam Thành Công, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật





- Quá trình công tác
- + Từ 12/1998 - 12/2002: Chuyên viên Tổ Kế hoạch, vật tư - Kinh doanh tiếp thị - Trung tâm CPN - Bưu điện TP Hà Nội.
  - + Từ 12/2002 - 12/2005: Chuyên viên phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty Chuyển phát nhanh, Bưu điện TP Hà Nội.
  - + Từ 01/2006 - 7/2007: Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư, Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.
  - + Từ 8/2007 - 2/2008: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.
  - + Từ 3/2008 - 11/2012: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu, Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.
  - + Từ 10/2010 - 6/2012: Thư ký Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.
  - + Từ 11/2012 - 07/2017: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.
  - + Thư ký Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017
  - + Từ 08/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hà Nội (nay là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty cổ phần).

Chức vụ hiện nay ở Tổng công ty Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Số lượng cổ phần sở hữu đến ngày 01/08/2017: Sở hữu cá nhân: 2.927 cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ  
Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu

Các khoản nợ với Tổng công ty Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Quyền lợi mâu thuẫn Không



Những đối tượng liên quan Không  
có sở hữu cổ phần của Tổng  
công ty

✓ **Bà Vũ Thị Mai Hồng – Phó Tổng giám đốc**

Số CMND 012576010 cấp ngày 16/12/2002 tại CA Hà Nội

Giới tính Nữ

Ngày sinh 15/9/1974

Nơi sinh Nam Định

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Số nhà 16 B1 Tập thể Quân đội, ngõ 217 Phố Mai Dịch, Quận Cầu giấy, TP. Hà Nội

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- + 12/1996 – 3/1997: Nhân viên tiếp thị, Công ty Bưu chính Phát hành Báo chí, Bưu điện Hà Nội
- + 4/1997 -5/1999: Chuyên viên kế toán, Trung tâm Chuyển phát nhanh, Bưu điện Hà Nội
- + 6/1999 – 11/2003: Chuyên viên phòng TC-KTTK, Bưu điện Hà Nội
- + 12/2003 -6/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị, Công ty Chuyển phát nhanh, Bưu điện Hà Nội
- + 6/2006- 7/2007: Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư, Công ty CP Chuyển phát nhanh Bưu điện
- + 8/2007 –2/2008: Trưởng phòng TCKT, Phụ trách công tác Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện
- + 3/2008 – 07/2017: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu Điện
- + 07/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần).

Chức vụ hiện nay ở Tổng công ty Phó Tổng giám đốc



Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	3.536 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Tổng công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn	Không

✓ **Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kế toán trưởng**

Số CMND	012145402 cấp ngày 07/08/2003 tại CA Hà Nội
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/12/1981
Nơi sinh	Xã Quảng Oai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Nhà 4, Ngõ 15, Ngách 38, Phương Mai, HN
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ 12/2004 – 06/2005: Chuyên viên tập sự phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, Công ty Bưu chính liên tỉnh và quốc tế</li> <li>+ 07/2005 – 12/2005: Chuyên viên phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, Công ty Bưu chính liên tỉnh và quốc tế.</li> <li>+ 01/2006 – 11/2012: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.</li> <li>+ 12/2012 – 07/2017: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.</li> <li>+ 08/2017 đến nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần).</li> </ul>
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không



Số lượng cổ phần sở hữu đến ngày 01/08/2017:	239 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn	Không
Những đối tượng liên quan có sở hữu cổ phần của Công ty	Không

• **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

*Năm 2017, Có sự thay đổi trong Ban điều hành.*

• **Số lượng cán bộ, nhân viên Tổng công ty tới ngày 31/12/2017: có 1.701 người.**

- **Chính sách đối với người lao động:**

- Tổng công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN... khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ....;
- Tổng công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho Tổng công ty, Tổng công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;
- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người có năng lực góp sức xây dựng doanh nghiệp;

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Tổng công ty không chào bán chứng khoán, không có những khoản đầu tư lớn.
- Các Tổng công ty con, Tổng công ty liên kết: Không có

4. **Tình hình tài chính**

• **Tình hình tài chính**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng (%)	Tỷ lệ 2017/2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	408,750	464,454	14%	114%
2	Doanh thu thuần	927,166	1,238,251	34%	134%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37,179	52,578	41%	141%
4	Lợi nhuận khác	621	-573	-192%	-92%
5	Lợi nhuận trước thuế	37,800	52,006	38%	138%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0%	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017

• Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.52	1.70
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.52	1.69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0.56	0.58
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1.28	1.37
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân):	vòng	827	785
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	2.23	2.84
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.2%	3.3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16.8%	20.90%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7.4%	8.8%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4.0%	4.2%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 9.159.125 cổ phần



- Loại cổ phần đang lưu hành: 9.159.125 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.159.125 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

**5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017**

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu</b>				
1	Cổ đông lớn	8.459.125	84.591.252.374	92,36
2	Cổ đông nhỏ	700.000	7.000.000.000	7,64
<b>Tổng</b>		<b>9.159.125</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>100,00</b>
<b>Phân theo cơ cấu nội bộ</b>				
1	Cổ đông tổ chức	8.459.125	84.591.252.374	92,36
2	Cổ đông cá nhân	700.000	7.000.000.000	7,64
<b>Tổng</b>		<b>9.159.125</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>100,00</b>
<b>Phân theo nguồn vốn hình thành</b>				
1	Nhà nước	8.459.125	84.591.252.374	92,36
2	Cổ đông khác	700.000	7.000.000.000	7,64
<b>Tổng</b>		<b>9.159.125</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>100,00</b>
<b>Phân theo địa bàn</b>				
1	Cổ đông trong nước	9.159.125	91.591.252.374	100,00
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>9.159.125</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>100,00</b>

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm**

Trong năm 2017, vốn điều lệ thực góp là 91.591.252.374 đồng. Năm 2016 Tổng công ty thực hiện việc kiểm toán vốn điều lệ và đã báo cáo UBCKNN.

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2017, Tổng công ty đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu chiến lược trong tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Rà soát, sắp xếp hợp lý hóa tổ chức sản xuất theo hướng khoa học, hiệu quả nhằm nâng cao năng suất lao động, đáp ứng các yêu cầu cao hơn về quản lý, sản xuất kinh doanh trong điều kiện mới. Đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, có tính định hướng, chiến lược, giúp Tổng công ty có sự phát triển bền vững, hiệu quả trong giai đoạn 2016-2020. Bước đầu triển khai một số giải pháp để đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ, tăng vai trò vị thế, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Triển khai các giải pháp đồng bộ để phát triển dịch vụ hậu cần TMĐT. Thực hiện tốt vai trò của chủ quản dịch vụ Chuyển phát nhanh trên mạng Bưu chính. Triển khai, bổ sung nhiều chương trình cơ chế hỗ trợ phát triển kinh doanh. Phối hợp tốt với các BĐT/TP trên mạng lưới, tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành tập trung, triển khai các giải pháp thúc đẩy kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng.

Kết quả:

+ **Tổng doanh thu dịch vụ EMS toàn mạng lưới** đạt 2,310.478 tỷ đồng đạt 104.46% so với kế hoạch 2017, tăng 41.43% so với năm 2016, trong đó doanh thu dịch vụ EMS phát sinh tại Tổng công ty đạt 285.677 tỷ đồng, đạt 113.51% so với kế hoạch 2017, tăng 39.26% so với năm 2016.

+ **Doanh thu ghi nhận tại Tổng công ty** đạt 1,243 tỷ đồng, đạt 106.68% so với kế hoạch 2017, tăng 33.58% so với 2016.

- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế đạt 52.006 tỷ đồng, đạt 104.00% so với kế hoạch và tăng 37.58% so với năm 2016.

- **Nộp Ngân sách:** 55.606 tỷ đồng.

## 2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản: Tổng công ty không có những khoản nợ xấu

2.2 Tình hình nợ phải trả: Tổng công ty không có biến động lớn về các khoản nợ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Xây dựng thêm những quy định mới để tăng hiệu quả điều hành quản lý trong Tổng công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Mục tiêu năm 2018 là tăng trưởng 45% so với thực hiện năm 2017.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ ý kiến của Kiểm toán viên.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty  
Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động và kết quả kinh doanh có những tín hiệu tích cực. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập chung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT quyết định chủ trương, nhằm sớm đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng giám đốc Tổng công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài Tổng công ty phù hợp với tình hình mới.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng giám đốc Tổng công ty phấn đấu đưa Tổng công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

## V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT)

TT	Họ tên	Chức vụ	Là thành viên HĐQT của Tổng công ty khác
1	Bà Chu Thị Lan Hương	Chủ tịch HĐQT (Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành)	Từ ngày 22/07/2017
2	Ông Lê Quốc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành	
3	Bà Hà Thị Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành	
4	Ông Đinh Tiến Vịnh	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	



5	Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Từ ngày 22/07/2017
---	----------------------	--	--------------------

### 1.2. Hoạt động của HĐQT

Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp để nghe báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty đồng thời trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị thảo luận và ra các quyết sách phù hợp, định hướng cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

### 1.3. Các cuộc họp HĐQT: Năm 2017 có 03 phiên họp HĐQT

TT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Bà Chu Thị Lan Hương	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	2	66,67%	Chủ tịch HĐQT – từ ngày 22/07/2017	
2	Ông Đinh Như Hạnh	Chủ tịch HĐQT, (Thành viên HĐQT không điều hành)	1	33,33%	Chủ tịch HĐQT – Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2017	
3	Ông Lê Quốc Anh	Thành viên HĐQT điều hành	3	100%		
4	Bà Hà Thị Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	3	100%		
5	Ông Đinh Tiến Vịnh	Thành viên HĐQT không điều hành	3	100%		
6	Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên HĐQT không điều hành	2	66,67%	Từ ngày 22/07/2017	
7	Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	1	33,33%	Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2017	

- **Phiên họp lần thứ nhất:** Họp ngày 13/7/2017 tại phiên họp này HĐQT thông qua một số nội dung: (Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT.III)

+ Tại phiên họp này, HĐQT thống nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2016 và báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016, chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017; Thù lao HĐQT và BKS năm 2016 và kế hoạch mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017;

+ HĐQT thông qua quỹ tiền lương năm 2017 và nguyên tắc xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 theo quy định.



+ HĐQT thông qua việc thành lập mới Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, bổ sung cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và nhất trí trình Đại hội đồng cổ đông việc đổi tên Công ty;

+ HĐQT thông qua phương án vay vốn lưu động của Công ty; ban hành quy chế tài chính của Công ty;

+ HĐQT thông qua nội dung bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.

- **Phiên họp lần thứ hai:** Họp ngày 25/7/2017 tại phiên họp này HĐQT thông qua một số nội dung: (Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.IV)

+ Tại phiên họp này, HĐQT thống nhất bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV; giao nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

+ HĐQT thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty 6 tháng đầu năm 2017 và các giải pháp thúc đẩy SXKD 6 tháng cuối năm 2017.

+ HĐQT thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Vaco là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2017.

+ HĐQT thông qua việc giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng mô hình tổ chức của Công ty và chức năng nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc theo mô hình Tổng công ty; thực hiện việc đổi tên Công ty, sửa đổi giấy phép đăng ký kinh doanh và điều lệ Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

+ HĐQT nhất trí chỉ định bà Vũ Thị Mai Hồng là thư ký HĐQT nhiệm kỳ IV.

- **Phiên họp lần thứ 3:** Họp ngày 01/11/2017 tại phiên họp này HĐQT thông qua một số nội dung: (Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT.IV)

+ Tại phiên họp này, HĐQT thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty 9 tháng đầu năm 2017, dự kiến kết quả SXKD năm 2017 và thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 của Công ty.

+ HĐQT thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch lao động, tiền lương năm 2017 của Công ty. Giao cho Công ty triển khai thủ tục xin ý kiến của Tổng công ty BĐVN trước khi lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT thông qua nội dung này bằng văn bản theo quy định.

+ HĐQT thông qua danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn của Công ty năm 2017 sau khi điều chỉnh, bổ sung gồm 14 nội dung dự án, tổng mức đầu tư 44,11 tỷ đồng; kế hoạch vốn bố trí trong năm 2017 là 35,77 tỷ đồng.

+ HĐQT thông qua định hướng công tác đầu tư năm 2018 theo đề xuất của Ban Tổng giám đốc.

+ HĐQT thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông.

+ HĐQT thông qua mô hình tổ chức của Công ty sau khi đổi tên thành Tổng công ty. Giao nhiệm vụ cho Ban Tổng giám đốc tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đổi



tên các Chi nhánh của Công ty cho phù hợp. Đồng thời, xây dựng chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo mô hình Tổng công ty trình HĐQT phê duyệt trong tháng 12/2017.

+ HĐQT thông qua thời gian tổ chức Hội nghị tổng kết và triển khai kế hoạch năm 2018 của Công ty.

#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành

Với kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tài chính, quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các thành viên HĐQT không điều hành đã đóng góp tích cực trong việc quản trị, xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS)

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Vũ Thị Huệ	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Ông Phạm Tất Thành	Thành viên	0.006%
3	Bà Trần Thanh Hà	Thành viên	0%

### 2.2. Hoạt động của BKS

- Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý; điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2017.

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Chủ động xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng tài chính thế giới, hạn chế đến mức tối đa các rủi ro có thể phát sinh trước diễn biến phức tạp của tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông có các biện pháp cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.



### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2017:

+ Hội đồng Quản trị có 5 thành viên: 419.904.000 đồng

+ Ban Kiểm soát có 3 thành viên: 699.963.734 đồng

+ Ban Tổng giám đốc: 2.999.466.387 đồng .

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty: tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

### **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến của kiểm toán:




**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Số: 065 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện- Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được lập Ngày 19 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.







**Báo cáo tài chính được kiểm toán**

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

*(Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm)*

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH  
BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

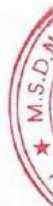


**LÊ QUỐC ANH**

**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN –  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30
PHỤ LỤC KẾT QUẢ KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY VÀ CÁC CHI NHÁNH	31

0102  
C  
KI  
HIAN

**TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số 1, đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện- Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà Chu Thị Lan Hương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2017)
Ông Đinh Như Hạnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2017)
Ông Nguyễn Hoàng Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2017)
Bà Hà Thị Hòa	Thành viên
Ông Lê Quốc Anh	Thành viên
Ông Đinh Tiến Vịnh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Mai Hồng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 07 năm 2017)
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 07 năm 2017)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty/Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Lê Quốc Anh	Tổng Giám Đốc	25 tháng 07 năm 2017

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

346  
ON  
TN  
EM  
7A  
7P



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số 1, đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Quốc Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 19 tháng 03 năm 2018

356-C  
TY  
TH  
TOÁN  
CO  
Ổ HỘ



Số: 065 /VACO/BCKT.NV2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện- Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được lập Ngày 19 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trong năm, theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế TP Hà Nội ngày 25 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khoản chi phí thuế nhà thầu năm 2016 cho thù lao công phát dịch vụ EMS quốc tế chiều đi trả bưu chính các nước với số tiền 3.357.237.778 đồng (Trong đó: Thuế GTGT là 1.721.660.399 đồng, thuế TNDN là 1.635.577.379 đồng); Tuy nhiên, trong Biên bản kiểm tra thuế khi xác định nghĩa vụ thuế TNDN truy thu cho năm 2016, Cơ quan thuế đã không thực hiện tính chi phí thuế nhà thầu phát sinh cho năm 2016 vào chi phí được trừ khi xác định lại thuế TNDN năm 2016. Đồng thời, Biên bản kiểm tra thuế cũng chưa ghi nhận khoản thuế GTGT nhà thầu phát sinh năm 2016 vào khoản mục thuế GTGT được khấu trừ. Công ty chưa đồng ý với Biên bản về nội dung truy thu thuế nhà thầu này.

Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện trích “Dự phòng phải trả” về nghĩa vụ thuế nhà thầu cho khoản thù lao công phát dịch vụ EMS quốc tế này trong năm 2017 vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 4.084.471.293 đồng (Trong đó: Thuế GTGT là 2.094.600.663 đồng, thuế TNDN là 1.989.870.630 đồng). Mặt khác, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ Công ty đối với tiền thuế nhà thầu tính trên chi phí thù lao công phát phải trả bưu chính các nước. Do đó, Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản thuế nhà thầu về thuế GTGT nhà thầu vào khoản mục thuế GTGT được khấu trừ cho hai năm 2016, 2017 là 3.816.261.062 đồng, mà đang thực hiện ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017. Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế sẽ tùy thuộc vào kết quả làm việc của Công ty với Cơ quan thuế trong năm 2018, và có thể dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty và nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp trong năm 2017 bị thay đổi do các số liệu thuế nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán số 514/2017/BC.KTTC-AASC.KT5 ngày 08 tháng 03 năm 2017 đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0657-2018-156-1

**Bùi Thị Phương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2369-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Ngày 19 tháng 03 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>361.472.191.692</b>	<b>348.859.697.633</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>106.119.297.924</b>	<b>114.668.559.671</b>
1. Tiền	111		41.119.297.924	54.668.559.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	60.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>8.177.650.000</b>	<b>1.928.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.177.650.000	1.928.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>212.563.465.240</b>	<b>211.179.749.931</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	199.434.265.103	184.998.476.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.636.205.009	5.265.312.305
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.448.312.791	20.997.394.678
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(955.317.663)	(81.434.021)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.632.135.736</b>	<b>998.021.073</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	1.632.135.736	998.021.073
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.979.642.792</b>	<b>20.085.366.958</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	21.152.353.195	10.374.442.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.827.289.597	9.707.102.530
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153		-	3.822.168
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.981.696.786</b>	<b>59.890.335.271</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.192.000.000</b>	<b>3.514.651.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	20.192.000.000	3.514.651.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.204.083.884</b>	<b>46.663.980.256</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	56.484.528.170	35.443.204.695
- Nguyên giá	222		130.182.083.145	100.146.189.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.697.554.975)	(64.702.984.733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	12.719.555.714	11.220.775.561
- Nguyên giá	228		18.822.267.391	17.227.887.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.102.711.677)	(6.007.111.830)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.921.689.902</b>	<b>4.874.434.902</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.921.689.902	4.874.434.902
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.663.923.000</b>	<b>4.837.269.113</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.663.923.000	4.837.269.113
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>464.453.888.478</b>	<b>408.750.032.904</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>268.493.785.845</b>	<b>229.749.360.684</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>267.723.311.473</b>	<b>228.977.022.397</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	86.651.835.336	97.370.066.226
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		322.485.842	1.213.744.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.717.511.269	6.857.904.115
4. Phải trả người lao động	314		78.136.046.842	52.800.781.451
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	47.859.736.618	26.657.985.132
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		514.214.404	504.725.386
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	21.347.349.162	21.896.224.068
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	10.264.471.293	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.909.660.707	21.675.591.672
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>770.474.372</b>	<b>772.338.287</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	770.474.372	772.338.287
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>195.960.102.633</b>	<b>179.000.672.220</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>195.960.102.633</b>	<b>179.000.672.220</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.591.252.374	91.591.252.374
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.591.252.374	91.591.252.374
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.403.673.058	57.321.273.251
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.965.177.201	30.088.146.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.965.177.201	30.088.146.595
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>464.453.888.478</b>	<b>408.750.032.904</b>



**Lê Quốc Anh**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thu Trang**  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 3 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.238.251.292.510	936.302.152.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	9.135.560.525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.238.251.292.510	927.166.592.379
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	1.032.884.613.542	760.214.475.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		205.366.678.968	166.952.116.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.288.089.385	2.530.864.819
7. Chi phí tài chính	22	25	784.039.669	1.460.135.765
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		83.693.703	-
8. Chi phí bán hàng	24	26	33.522.086.940	48.682.180.177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	121.770.181.029	82.161.760.863
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		52.578.460.715	37.178.905.012
11. Thu nhập khác	31		1.244.271.114	658.615.793
12. Chi phí khác	32		1.816.935.953	37.200.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	28	(572.664.839)	621.415.793
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.005.795.876	37.800.320.805
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	11.040.618.675	7.712.174.210
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		40.965.177.201	30.088.146.595
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.473	1.722



Lê Quốc Anh  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Trang  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	887.704.218.653	651.561.504.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(600.105.665.280)	(468.672.413.854)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(217.210.874.345)	(158.598.415.331)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(83.693.703)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(11.409.113.343)	(8.062.974.779)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.018.428.305.213	1.328.671.106.910
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.040.372.587.852)	(1.320.727.484.283)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.950.589.343</b>	<b>24.171.322.889</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(31.024.012.155)	(14.351.049.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	341.818.182	89.690.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.789.650.000)	(1.928.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.540.000.000	25.955.847.392
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	913.825.145	1.194.156.365
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(36.018.018.828)</b>	<b>10.960.645.393</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.526.255.061	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.526.255.061)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.511.469.475)	(8.439.892.839)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.511.469.475)</b>	<b>(8.439.892.839)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(8.578.898.960)</b>	<b>26.692.075.443</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>114.668.559.671</b>	<b>87.660.830.785</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	29.637.213	315.653.443
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>106.119.297.924</b>	<b>114.668.559.671</b>



Lê Quốc Anh  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Trang  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 03 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 11 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 01, đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là : 91.591.280.000 VND, tương đương 9.159.218 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.701 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 1309 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế: Dịch vụ chuyển phát nhanh EMS, dịch vụ chuyển phát nhanh trong ngày, chuyển phát nhanh hàng nặng, hàng cồng kềnh và các sản phẩm khác;
- Kinh doanh các dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa kho vận;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê ô tô;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông;
- Quản lý, vận hành, lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa và khai thác các thiết bị, phương tiện bưu chính viễn thông;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ chuyển phát nhanh, vận chuyển, giao nhận
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Dịch vụ chuyển phát nhanh, vận chuyển, giao nhận
Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Dịch vụ chuyển phát nhanh, vận chuyển, giao nhận
Văn phòng Công ty tại Thành phố Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ chuyển phát nhanh, vận chuyển, giao nhận

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; Theo quy định tại Điều 28 của Luật về “Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý”, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

325  
CÔ  
T  
KIẾ  
V.  
NH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất có thời hạn 50 năm. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất khu đất tại thành phố Đà Nẵng do Công ty được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất lâu dài với khu đất này.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác thể hiện giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí ấn phẩm bưu điện tình, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ, chi phí cải tạo mặt bằng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định, chi phí thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam: sở hữu 84,13% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần xây lắp Bưu điện Hà Nội: Cổ đông lớn;
- Các Công ty con trong cùng Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;;
- Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.621.106.076	889.726.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.484.031.097	53.713.516.947
Tiền đang chuyển	14.160.751	65.316.417
Các khoản tương đương tiền (i)	65.000.000.000	60.000.000.000
	<b>106.119.297.924</b>	<b>114.668.559.671</b>

Ghi chú: (i) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b>8.177.650.000</b>	<b>8.177.650.000</b>	<b>1.928.000.000</b>	<b>1.928.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.177.650.000	8.177.650.000	1.928.000.000	1.928.000.000

Ghi chú: (i) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6- 12 tháng, lãi suất từ 5.3% - 7%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
Bưu điện các tỉnh/thành phố	97.678.424.504		104.839.721.334	
Các đối tượng khác	101.755.840.599		80.158.755.635	
<b>Cộng phải thu khách hàng</b>	<b>199.434.265.103</b>		<b>184.998.476.969</b>	
Dự phòng khó đòi	(955.317.663)		(81.434.021)	
<b>Giá trị có khả năng thu hồi</b>	<b>198.478.947.440</b>		<b>184.917.042.948</b>	
<b>Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
Trình bày tại thuyết minh số 33	<b>100.240.822.918</b>		<b>104.900.086.334</b>	

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a, Phải thu khác ngắn hạn</i>	<b>12.448.312.791</b>	-	<b>20.997.394.678</b>	-
Tạm ứng	74.960.000	-	986.050.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.918.951.000	-	737.400.000	-
Phải thu khác	7.454.401.791	-	19.273.944.678	-
- Phải thu Công ty Cổ phần UPS Việt Nam	82.638.084	-	50.664.581	-
- Phải thu Các Bưu điện tỉnh tiền thuế, lệ phí hải quan nộp hộ, tiền bồi thường và các khoản thu hộ khác	75.910.357	-	4.965.071.502	-
- Phải thu Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về tiền dịch vụ COD và các khoản chi hộ	3.658.871.217	-	1.443.171.847	-
- Lãi tiền gửi dự thu	171.179.223	-	142.630.953	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	123.548.000	-	6.498.098.051	-
- Các đối tượng khác	3.342.254.910	-	6.174.307.744	-
<i>b, Phải thu khác dài hạn</i>	<b>20.192.000.000</b>	-	<b>3.514.651.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ (i)	20.192.000.000	-	3.514.651.000	-
<b>Trong đó: Phải thu là các bên liên</b>				
Trình bày tại thuyết minh số 33	<b>3.980.087.447</b>		<b>6.452.799.668</b>	

Ghi chú: (i) Khoản ký quỹ cuối kỳ trong đó bao gồm 19.700.000.000 đồng là khoản tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Bình theo hợp đồng số 35/2017/HĐTKB-EMS-ĐB để thuê toàn bộ khu xưởng, kho bãi văn phòng tại khu đất D23 Cộng Hòa.

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Cục Bưu điện Trung ương	1.153.574.091	346.072.227	-	-
Ông Hoàng Công Tuyển	121.057.977	84.740.583	-	-
Công ty CP Nội dung số Việt Nam	90.123.489	27.037.047	90.123.489	45.061.744
Công ty TNHH Saigon CAP	-	-	23.435.461	16.404.823
Công ty Nam Bắc	39.431.426	11.829.428	39.431.426	19.715.713
Các đối tượng khác	43.697.417	22.887.452	19.251.851	9.625.926
	<b>1.447.884.400</b>	<b>492.566.737</b>	<b>172.242.227</b>	<b>90.808.206</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	607.330.380	-	305.489.000	-
Công cụ, dụng cụ	539.392.156	-	309.389.073	-
Hàng hoá	485.413.200	-	383.143.000	-
	<b>1.632.135.736</b>	<b>-</b>	<b>998.021.073</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>21.152.353.195</b>	<b>10.374.442.260</b>
Chi phí ấn phẩm bưu điện tỉnh	5.161.293.690	5.923.554.310
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC, cải tạo mặt bằng	1.022.322.496	62.119.304
Chi phí thuê văn phòng	2.363.486.880	807.225.807
Chi phí CCDC	11.082.958.072	3.011.773.366
Chi phí trả trước khác	1.522.292.057	569.769.473
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.663.923.000</b>	<b>4.837.269.113</b>
Chi phí tiền thuê đất tại Đông Anh	182.461.000	1.167.623.500
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC, cải tạo mặt bằng	512.917.068	831.965.517
Chi phí CCDC	6.212.136.480	2.724.107.050
Chi phí trả trước khác	1.756.408.452	113.573.046

**YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*huyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Phương tiện vận tải truyền VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	37.004.397.547	10.330.583.158	4.868.295.913	47.879.847.201	63.065.609	100.146.189.428
Tặng do mua sắm	-	4.476.389.091	10.703.980.863	13.553.120.773	-	28.733.490.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.219.500.720	-	-	-	-	3.219.500.720
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.917.097.730)	-	(1.917.097.730)
Số dư cuối năm	40.223.898.267	14.806.972.249	15.572.276.776	59.515.870.244	63.065.609	130.182.083.145
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	23.851.637.392	5.195.908.096	3.737.669.311	31.860.205.045	57.564.889	64.702.984.733
Khấu hao trong năm	3.243.267.039	1.519.437.383	2.470.454.712	3.673.008.118	5.500.720	10.911.667.972
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	-	(1.917.097.730)	-	(1.917.097.730)
Số dư cuối năm	27.094.904.431	6.715.345.479	6.208.124.023	33.616.115.433	63.065.609	73.697.554.975
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	13.152.760.155	5.134.675.062	1.130.626.602	16.019.642.156	5.500.720	35.443.204.695
Tại ngày cuối năm	13.128.993.836	8.091.626.770	9.364.152.753	25.899.754.811	-	56.484.528.170

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 46.280.949.730 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 42.233.623.227 VND).



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 1, đường Tân Xuân, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Phần mềm máy</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	11.231.324.483	5.847.768.363	148.794.545	17.227.887.391
Mua trong năm	-	1.594.380.000	-	1.594.380.000
Số dư cuối năm	11.231.324.483	7.442.148.363	148.794.545	18.822.267.391
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY</b>				
κ ấ				
Số dư đầu năm	10.548.922	5.847.768.363	148.794.545	6.007.111.830
Khấu hao trong năm	17.597.304	78.002.543	-	95.599.847
Số dư cuối năm	28.146.226	5.925.770.906	148.794.545	6.102.711.677
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	11.220.775.561	-	-	11.220.775.561
Tại ngày cuối năm	11.203.178.257	1.516.377.457	-	12.719.555.714

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.996.562.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.996.562.908 VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>		
Trung tâm điều hành khai thác dịch vụ chuyển phát nhanh tại huyện Đông Anh (i)	4.702.053.840	4.702.053.840
Dự án khác	219.636.062	172.381.062
<b>Cộng</b>	<b>4.921.689.902</b>	<b>4.874.434.902</b>

Ghi chú: (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Trung tâm điều hành khai thác dịch vụ chuyển phát nhanh tại huyện Đông Anh chủ yếu bao gồm các chi phí phát triển hạ tầng cho phần đất chưa được xây dựng tại lô đất này.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	<u>trả nợ</u>	VND	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	20.358.056.695	20.358.056.695	13.958.283.763	13.958.283.763
Công ty Vận chuyển và Kho vận Bưu điện	8.132.957.485	8.132.957.485	26.685.299.085	26.685.299.085
Công ty TNHH Vận chuyển và Giao nhận Toàn Cầu Việt	6.920.814.313	6.920.814.313	6.746.927.511	6.746.927.511
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông và In Bưu điện - CN Miền Bắc	5.703.391.089	5.703.391.089	4.940.051.336	4.940.051.336
Các đối tượng khác	45.536.615.754	45.536.615.754	45.039.504.531	45.039.504.531
<b>Cộng</b>	<b>86.651.835.336</b>	<b>86.651.835.336</b>	<b>97.370.066.226</b>	<b>97.370.066.226</b>
<b>Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Trình bày tại thuyết minh số 33	44.289.904.029	44.289.904.029	53.213.768.497	53.213.768.497



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.837.331.031	31.499.557.528	35.249.572.907	-	1.087.315.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.631.594.609	11.040.618.675	11.409.113.343	-	1.263.099.941
Thuế thu nhập cá nhân	3.822.168	238.292.232	2.650.673.884	2.649.437.933	-	235.706.015
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.192.321.464	1.192.321.464	-	-
Các loại thuế khác	-	150.686.243	5.086.021.095	5.105.317.677	-	131.389.661
<b>Cộng</b>	<b>3.822.168</b>	<b>6.857.904.115</b>	<b>51.469.192.646</b>	<b>55.605.763.324</b>	<b>-</b>	<b>2.717.511.269</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cước vận chuyển hàng không	19.707.942.273	6.102.842.724
Công phát EMS quốc tế	22.381.635.720	17.987.245.643
Chi phí trích thưởng, khuyến mại	4.177.305.404	775.796.699
Các chi phí khác	1.592.853.221	1.792.100.066
<b>Cộng</b>	<b>47.859.736.618</b>	<b>26.657.985.132</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>21.347.349.162</b>	<b>21.896.224.068</b>
Kinh phí công đoàn	1.242.425.855	972.200.336
Bảo hiểm xã hội	91.081.064	2.256.838.694
Bảo hiểm y tế	464.526	388.604.471
Bảo hiểm thất nghiệp	4.584.607	178.273.219
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.773.255.502	2.406.021.784
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.235.537.608	15.694.285.564
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.397.884.737	1.750.228.975
- Phải trả Công ty UPS SCS (Singapore) PTE	3.919.999.344	3.917.552.368
- Phải trả về cước thu hộ Bưu chính nước ngoài chuyển trả	21.632.352	10.205.134
- Phải trả về doanh thu cước COD và các khoản thu hộ khác	3.069.733.179	5.783.630.109
- Phải trả các quỹ chính sách xã hội và quỹ hỗ trợ khuyến khích	3.261.292.132	2.267.101.806
- Phải trả về thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	43.248.182	154.500.000
- Phải trả hãng KCH tiền thu hộ chi hộ	2.610.518.851	216.982.667
- Các đối tượng khác	2.911.228.831	1.594.084.505
<b>b) Dài hạn</b>	<b>770.474.372</b>	<b>772.338.287</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	770.474.372	772.338.287



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Dự phòng phải trả chương trình khuyến khích thi đua dịch vụ EMS liên tỉnh và quốc tế (i)	5.010.000.000	-
Dự phòng phải trả chương trình thi đua khuyến khích bán hàng cơ chế thúc đẩy kinh doanh dịch vụ EMS (ii)	1.170.000.000	-
Dự phòng phải trả thuế nhà thầu cho khoản thù lao công phát dịch vụ EMS quốc tế chiều đi (iii)	4.084.471.293	-
- Thuế GTGT	2.094.600.663	-
- Thuế TNDN	1.989.870.630	-
	<u>10.264.471.293</u>	<u>-</u>

**Ghi chú:**

- (i) Dự phòng chi phí triển khai chương trình thi đua khuyến khích bán hàng dịch vụ EMS Liên tỉnh với tên gọi "Bứt phá ngoạn mục, chinh phục Dubai" theo phụ lục 06O, hợp đồng số 18/CPN-VNPost ngày 31 tháng 08 năm 2017 giữa Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và Công ty cho doanh thu dịch vụ EMS đã phát sinh trong năm 2017.
- (ii) Dự phòng chi phí triển khai chương trình thi đua khuyến khích bán hàng theo Thỏa thuận số 11202/EMS-BĐ.HCM ngày 30 tháng 09 năm 2017 Giữa Công ty và Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là chương trình áp dụng cho doanh thu đã phát sinh trong năm 2017.
- (iii) Công ty thực hiện trích "Dự phòng phải trả" về nghĩa vụ thuế nhà thầu cho khoản thù lao công phát dịch vụ EMS quốc tế chiều đi phải trả bưu chính các nước trong năm 2017 vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 4.084.471.293 đồng (Trong đó: Thuế GTGT là 2.094.600.663 đồng, thuế TNDN là 1.989.870.630 đồng).

Bên cạnh đó, trong năm, theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế TP Hà Nội ngày 25 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khoản chi phí thuế nhà thầu năm 2016 cho chi phí thù lao này với số tiền 3.357.237.778 đồng (Trong đó: Thuế GTGT là 1.721.660.399 đồng, thuế TNDN là 1.635.577.379 đồng); Tuy nhiên, trong Biên bản kiểm tra thuế khi xác định nghĩa vụ thuế TNDN truy thu cho năm 2016, Cơ quan thuế đã không thực hiện tính chi phí thuế nhà thầu phát sinh cho năm 2016 vào chi phí được trừ khi xác định lại thuế TNDN năm 2016.

Theo quan điểm của Công ty, chi phí thù lao công phát dịch vụ EMS quốc tế phải trả bưu chính các nước thuộc đối tượng không áp dụng quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 về việc Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty không phải tính nộp thuế nhà thầu thay cho bưu chính nước ngoài trên khoản cước đầu cuối (hay thù lao công phát) mà bưu chính nước ngoài được hưởng. Trong trường hợp sau khi có kết luận chính thức từ Cơ quan Thuế, khoản thù lao công phát mà bưu chính nước ngoài được hưởng thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu, thì khoản thuế nhà thầu đó được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT nhà thầu sẽ thuộc khoản mục thuế được khấu trừ, do Công ty không thu được khoản thuế đó từ Bưu chính các nước vì không được quy định trong công ước của Liên minh Bưu chính Thế giới.

Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản thuế nhà thầu về thuế GTGT vào khoản mục thuế GTGT được khấu trừ cho hai năm 2016, 2017 là 3.816.261.062 đồng, mà đang thực hiện ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017.



**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	91.591.252.374	55.674.667.947			22.500.350.541		169.766.270.862	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	30.088.146.595		30.088.146.595	
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(9.159.125.237)		(9.159.125.237)	
Trích lập các quỹ	-	-	1.646.605.304		(1.646.605.304)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	(11.082.800.000)		(11.082.800.000)	
Trả thù lao cho HĐQT	-	-	-	-	(611.820.000)		(611.820.000)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>57.321.273.251</b>			<b>30.088.146.595</b>		<b>179.000.672.220</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	40.965.177.201		40.965.177.201	
Trích quỹ trong kỳ	-	-	6.082.399.807		(6.082.399.807)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	-	-	-	-	(14.315.213.369)		(14.315.213.369)	
Trả thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(531.408.182)		(531.408.182)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.159.125.237)		(9.159.125.237)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>91.591.252.374</b>	<b>63.403.673.058</b>			<b>40.965.177.201</b>		<b>195.960.102.633</b>	

**Ghi chú:**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 07 năm 2017, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2016 như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
Trả thù lao cho HĐQT và BKS	531.408.182
Chia cổ tức	9.159.125.237
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	14.068.500.000
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	246.713.369
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.082.399.807
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.088.146.595</b>

254  
 CÔNG TY  
 MỘT SỐ  
 VÀ  
 14 P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	77.059.591.601	77.059.591.601
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội	7.531.660.773	7.531.660.773
Các đối tượng khác	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>91.591.252.374</u></b>	<b><u>91.591.252.374</u></b>

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	91.591.252.374	91.591.252.374
- Vốn góp đầu kỳ	91.591.252.374	91.591.252.374
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	91.591.252.374	91.591.252.374
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.082.399.807	9.159.125.237

*d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.159.125	9.159.125
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.159.125	9.159.125
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.159.125	9.159.125
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản thuê ngoài**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	24.944.968.000	22.855.682.540
- Trên 1 năm đến 5 năm	80.906.538.667	23.223.475.250

**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	206.734	1.747.857

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh (i)	1.204.929.760.951	908.304.464.254
- Doanh thu làm đại lý cho các hãng	25.983.552.468	20.963.363.873
- Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải	7.337.979.091	7.034.324.777
	<b>1.238.251.292.510</b>	<b>936.302.152.904</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>(9.135.560.525)</b>
- Chiết khấu thương mại (i)	-	(9.135.560.525)
	<b>1.238.251.292.510</b>	<b>927.166.592.379</b>
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.238.251.292.510</b>	<b>927.166.592.379</b>
<i>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
<i>Chi tiết tại thuyết minh số 33</i>	<b>836.178.380.708</b>	<b>621.783.973.272</b>

Ghi chú: (i) Năm 2017, khoản chiết khấu thương mại đã được trừ trong doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh khi Công ty ghi nhận doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh theo quy định.

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ chuyển phát nhanh	1.020.919.566.019	749.136.041.102
Giá vốn làm đại lý cho các hãng	11.233.565.263	10.488.747.592
Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải	731.482.260	589.686.687
	<b>1.032.884.613.542</b>	<b>760.214.475.381</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	942.373.415	1.198.411.361
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.345.715.970	1.332.453.458
	<b>3.288.089.385</b>	<b>2.530.864.819</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	83.693.703	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	700.345.966	1.460.135.765
	<b>784.039.669</b>	<b>1.460.135.765</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	60.022.293.915	43.104.029.097
Chi phí nguyên liệu vật liệu, CCDC	5.799.950.175	4.368.928.699
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.379.588.728	1.871.466.893
Thuế, phí lệ phí	8.682.737.519	714.451.841
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi	873.883.642	(19.021.450)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.440.603.461	14.553.350.442
Chi phí khác bằng tiền	22.571.123.589	17.568.555.341
<b>Cộng</b>	<b><u>121.770.181.029</u></b>	<b><u>82.161.760.863</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Hoa hồng, trích thưởng	6.569.311.264	2.499.635.511
Quà tặng khách hàng	4.081.862.046	3.874.366.646
Chi hỗ trợ tiếp thị và kinh doanh, quảng cáo	20.958.971.960	35.680.317.759
Chi phí mua ngoài khác	694.172.911	3.639.747.739
Chi phí bằng tiền khác	1.217.768.759	2.988.112.522
<b>Cộng</b>	<b><u>33.522.086.940</u></b>	<b><u>48.682.180.177</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.239.795.672	85.057.725.723
Chi phí nhân công	273.566.409.547	193.809.111.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.007.267.819	7.218.832.033
Thuế Phí, Lệ phí	10.594.441.294	2.429.070.012
Chi phí dự phòng	873.883.642	(19.021.450)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.461.044.793	516.463.206.217
Chi phí khác bằng tiền	79.434.038.744	86.099.492.063
	<b><u>1.188.176.881.511</u></b>	<b><u>891.058.416.421</u></b>

**28. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.244.271.114</b>	<b>658.615.793</b>
Tiền điện tại 26 Phạm Văn Đồng	354.763.074	351.625.311
Thu nhập từ hỗ trợ nhân công đại lý ABC	191.121.000	188.209.000
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	341.818.182	89.690.910
Các khoản khác	356.568.858	29.090.572
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.816.935.953</b>	<b>37.200.000</b>
Phạt truy thu thuế	1.792.175.490	-
Chi phí khác	24.760.463	37.200.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>(572.664.839)</u></b>	<b><u>621.415.793</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>52.005.795.876</b>	<b>37.800.320.805</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(7.787.398.165)	760.550.243
- Cộng: Thu nhập chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng: Chi phí không được trừ</b>	<b>2.723.118.941</b>	<b>760.550.243</b>
- Các khoản chi phí không được trừ	1.940.062.528	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ ngoài định mức (ô tô 9 chỗ ngồi có nguyên giá trên 1,6 tỷ)	60.421.894	37.915.724
- Tiền thuê đất cho phân diện tích chưa được đầu tư và sử dụng cho mục đích SXKD tại Đông Anh	722.634.519	722.634.519
<b>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</b>	<b>10.510.517.106</b>	<b>10.510.517.106</b>
31/12/2017	170.796.163	-
- Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	10.339.720.943	-
Thu nhập chịu thuế	-44.218.397.711	38.560.871.048
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.843.679.542</b>	<b>7.712.174.210</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	2.196.939.133	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.040.618.675</b>	<b>7.712.174.210</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	40.965.177.201	30.088.146.595
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.315.213.369)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.965.177.201	15.772.933.226
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	9.159.125	9.159.125
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.473	1.722
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được xác định cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(106.119.297.924)	(114.668.559.671)
Nợ thuần	(106.119.297.924)	(114.668.559.671)
Vốn chủ sở hữu	195.960.102.633	179.000.672.220
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.119.297.924	114.668.559.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.044.300.231	208.443.038.626
Đầu tư ngắn hạn	8.177.650.000	1.928.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>345.341.248.155</b>	<b>325.039.598.297</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	108.769.658.870	120.038.628.581
Chi phí phải trả	47.859.736.618	26.657.985.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.629.395.488</b>	<b>146.696.613.713</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.119.297.924	-	106.119.297.924
Phải thu khách hàng và phải thu khác	210.852.300.231	20.192.000.000	231.044.300.231
Đầu tư ngắn hạn	8.177.650.000	-	8.177.650.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>325.149.248.155</b>	<b>20.192.000.000</b>	<b>345.341.248.155</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	107.999.184.498	770.474.372	108.769.658.870
Chi phí phải trả	47.859.736.618	-	47.859.736.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.858.921.116</b>	<b>770.474.372</b>	<b>156.629.395.488</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>169.290.327.039</b>	<b>19.421.525.628</b>	<b>188.711.852.667</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.668.559.671	-	114.668.559.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	204.928.387.626	3.514.651.000	208.443.038.626
Đầu tư ngắn hạn	1.928.000.000	-	1.928.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>321.524.947.297</b>	<b>3.514.651.000</b>	<b>325.039.598.297</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	119.266.290.294	772.338.287	120.038.628.581
Chi phí phải trả	26.657.985.132	-	26.657.985.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>145.924.275.426</b>	<b>772.338.287</b>	<b>146.696.613.713</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>175.600.671.871</b>	<b>2.742.312.713</b>	<b>178.342.984.584</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1/1/2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh và đa số diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		<b>836.178.380.708</b>	<b>621.783.973.272</b>
Bưu điện tỉnh/Thành phố	Cùng công ty mẹ	851.592.391.979	630.232.642.459
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tiền cước visa	Công ty mẹ	341.685.455	336.179.091
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tiền phân chia dịch vụ COD	Công ty mẹ	(15.755.696.726)	(8.784.848.278)
<b>Chi phí công nhận, công phát dịch vụ chuyển phát nhanh</b>			
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	276.650.302.497	197.527.622.555
<b>Chi phí giao nhận</b>			
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	72.854.289.917	4.454.204.990
<b>Chi phí vận chuyển</b>			
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	4.651.807.948	2.014.839.183
Công ty Vận chuyển và Kho vận Bưu điện	Cùng công ty mẹ	48.784.653.151	49.864.790.855
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	145.445.603	-
<b>Chi phí mua ấn phẩm nghiệp vụ</b>			
Công ty In Bưu điện	Cùng công ty mẹ	19.609.152.810	13.484.987.260
Công ty In tem Bưu điện	Cùng công ty mẹ	19.891.908.615	14.662.004.685
Công ty Datapost	Cùng công ty mẹ	19.826.306.975	15.902.087.215
<b>Chi phí hỗ trợ tiếp thị bán hàng, chăm sóc khách hàng và các khoản hỗ trợ khác</b>			
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	13.979.365.023	17.810.936.139
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	11.548.550.000
<b>Thu hộ thuế và lệ phí hải quan</b>			
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	28.646.561.800	23.519.211.657
<b>Thu hộ - chi hộ dịch vụ phát hàng thu tiền COD</b>			
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	(1.873.496.774.469)	(1.120.089.004.977)
<b>Cổ tức đã trả</b>			
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	7.705.959.000	7.099.251.562
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội	Cổ đông lớn	753.166.077	753.166.077

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>100.240.822.918</b>	<b>104.900.086.334</b>
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	97.678.424.504	104.839.721.334
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	55.253.000	60.365.000
Công ty Data Post	Cùng công ty mẹ	2.507.145.414	-
<b>Người mua ứng trước là các bên liên quan</b>		<b>-</b>	<b>183.399.387</b>
Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	-	183.399.387
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>44.289.904.029</b>	<b>53.213.768.497</b>
Tổng Công ty bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	20.358.056.695	13.958.283.763
Các bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	673.860.264	569.754.090
Công ty vận chuyển và kho vận Bưu điện	Cùng công ty mẹ	8.132.957.485	26.685.299.085
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông và In Bưu điện	Cùng công ty mẹ	5.703.391.089	4.940.051.336
Công ty TNHH Một thành viên In Tem Bưu điện	Cùng công ty mẹ	3.030.246.082	2.408.560.550
Công ty datapost	Cùng công ty mẹ	6.391.392.414	4.651.819.673
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>3.980.087.447</b>	<b>6.452.799.668</b>
Tổng Công ty bưu điện Việt Nam	Công ty mẹ	3.902.371.217	1.443.171.847
Các bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	75.910.357	4.965.071.502
Công ty Vận chuyển và Kho vận Bưu điện	Cùng công ty mẹ	1.805.873	44.556.319
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		<b>3.827.710.696</b>	<b>6.532.116.186</b>
Phải trả Tổng Công ty Bưu điện Việt nam	Công ty mẹ	2.763.851.270	5.180.922.596
Phải trả các Bưu điện tỉnh/thành phố	Cùng công ty mẹ	305.881.909	598.027.513
Công ty datapost	Cùng công ty mẹ	4.811.440	-
Phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội - tiền cổ tức	Cổ đông lớn	753.166.077	753.166.077

**Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	4.119.334.121	2.930.016.794

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	3.919.444.557	3.917.552.368



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại cho mục đích so sánh, cụ thể như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Số trình bày lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	9.707.102.530	9.707.102.530
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	9.710.924.698	3.822.168	(9.707.102.530)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.285	1.722	(1.563)



  
Lê Quốc Anh  
Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thu Trang  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 03 năm 2018

**YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VẤN PHÒNG CÔNG TY VÀ CÁC CHI NHÁNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

TIÊU Đ	Mã số	Thuyết minh	Vấn phòng	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	716.906.225.866	65.953.227.993	425.177.440.013	30.214.398.638	1.238.251.292.510
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	716.906.225.866	65.953.227.993	425.177.440.013	30.214.398.638	1.238.251.292.510
(10 = 01 - 02)							
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	737.433.486.438	28.194.577.095	243.098.768.240	24.157.781.769	1.032.884.613.542
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(20.527.260.572)	37.758.650.898	182.078.671.773	6.056.616.869	205.366.678.968
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.128.727.483	10.429.272	142.666.556	6.266.074	3.288.089.385
Chi phí tài chính	22	25	758.872.275	-	25.167.394	-	784.039.669
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		83.693.703	-	-	-	83.693.703
Chi phí bán hàng	24	26	22.323.243.120	3.196.588.437	7.313.644.345	688.611.038	33.522.086.940
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	88.670.839.522	2.536.302.907	26.873.539.210	3.689.499.390	121.770.181.029
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(129.151.488.006)	32.036.188.826	148.008.987.380	1.684.772.515	52.578.460.715
(30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))							
Thu nhập khác	31		1.238.798.387	-	5.472.727	-	1.244.271.114
Chi phí khác	32		1.811.785.953	2.350.000	2.800.000	-	1.816.935.953
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	28	(572.987.566)	(2.350.000)	2.672.727	-	(572.664.839)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(129.724.475.572)	32.033.838.826	148.011.660.107	1.684.772.515	52.005.795.876
(50 = 30 + 40)							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	7.889.626.105	314.657.632	2.571.360.090	264.974.848	11.040.618.675
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(140.765.094.247)	32.033.838.826	148.011.660.107	1.684.772.515	40.965.177.201
(60 = 50 - 51)							
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30					4.473